

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST

Ngày 22 tháng 4 năm 2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tôn Thiết

Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đình, xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc;
chỗ ở hiện nay: Thôn Đồng Giao, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đình, xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc;
hiện nay đang bị tạm giam tại Trại giam công an tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phùng Thị V, sinh năm 1958 (mẹ anh M vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đình, xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Trước khi chị kết hôn với anh Bùi Văn M thì anh M và gia đình có biết chị đã có chồng là anh Bùi Văn Việt và có 2 con là cháu Vũ Huy Hùng, sinh năm 2005 cháu Vũ Huy Hoàng, sinh năm 2009. Nhưng chị và anh Việt đã được Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho ly hôn từ tháng 4/2013 và anh Việt nuôi cả hai con chung là cháu Hùng, cháu Hoàng. Đến ngày 15/10/2015 chị và anh M đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Cốc, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ vì thời gian này chị và anh M làm việc ở xã Tây Cốc, sau khi cưới chị về làm dâu chung sống với gia đình anh M tại thôn Đình xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Tháng 02/2018 anh chị đi làm ăn ở thành phố Hà Nội đến tháng 10/2018 thì về quê sau đó xảy ra mâu thuẫn do công ăn việc làm không có, tháng 4/2020 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Mặt khác anh M có quan hệ trai gái với chị Huyền quê ở tỉnh Tuyên Quang, chị và gia đình đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không nghe còn đánh đập, xúc phạm chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Giữa chị và bà Phùng Thị V (mẹ anh M) không có mâu thuẫn gì, sau khi vợ chồng sống ly thân thì anh M vi phạm pháp luật nên bị Công an huyện Bình Xuyên bắt về tội “Trộm cắp tài sản”. Khi anh M bị tạm giữ ở Công an huyện Bình Xuyên chị có đến thăm anh 02 lần, còn từ khi anh M bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc thì chị không đến thăm anh nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh M.

Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn M vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 12/03/2021 tại Trại giam công an tỉnh Vĩnh Phúc anh M trình bày: Anh thừa nhận chị L trình bày đúng về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống, trong quá trình chung sống vợ chồng có cãi nhau anh tát chị L một cái nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Ngày 18/6/2020 anh bị Công an huyện Bình Xuyên bắt về hành vi trộm cắp tài sản và đang chờ xét xử, nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L và vì con chung nên anh xin được đoàn tụ. Về thẩm quyền giải quyết vụ án thì anh đồng ý đề nghị Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị L. Do anh đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Về con chung chị L trình bày: Chị và anh M có 02 con chung là cháu Bùi Văn Thiện, sinh ngày 19/8/2016 và cháu Bùi Thị Trà My, sinh ngày 09/10/2018

hiện hai cháu đang ở với bà Phùng Thị V (mẹ anh M) tại xã Yên Bình. Khi vợ chồng sống ly thân chị vẫn nuôi cháu My, nhưng tháng 11/2000 (âm lịch) chị Bùi Thị Hồng (chị gái anh M) đến gia đình chị đón cháu My về nuôi từ đó cho đến nay, sau đó chị có đến đón cháu My nhưng gia đình bà V không cho đón. Ly hôn chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung vì, hiện nay chị đã có chỗ ở ổn định (ở cùng nhà với bố mẹ đẻ), có công ăn việc làm (chị làm công nhân tại Công ty TNHH CHANT Việt Nam ở huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sáng đi tối về). Có thu nhập hàng tháng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng (từ tháng 02/2021), còn mẹ anh M thì già và anh M đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc nên không có điều kiện để nuôi hai con.

Anh M trình bày: Anh thừa nhận chị L khai đúng về con chung và hiện nay hai cháu đang ở với mẹ anh là bà Phùng Thị V, ly hôn anh đề nghị được nuôi hai cháu không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên đề nghị Tòa án tạm giao hai cháu cho bà V mẹ anh nuôi dưỡng chờ đến khi anh chấp hành án xong.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị V vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2021 bà V trình bày: Bà là mẹ của anh Bùi Văn M gia đình bà có hộ khẩu tại thôn Đình, xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường. Trước khi chị L kết hôn với anh M thì chị đã kết hôn với người khác nhưng đã ly hôn. Chị L và anh M tự do tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ vào ngày 15/10/2015. Sau khi kết hôn chị L về làm dâu chung sống với gia đình bà tại thôn Đình, xã Yên Bình, quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn nói cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Ngày 18/6/2020 anh M bị Công an huyện Bình Xuyên bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản” và bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian anh M bị tạm giam chị L không đến thăm anh, sau đó bà nghe thông tin được biết thời gian này chị L có quan hệ nam nữ với người đàn ông khác dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị L và anh M có 02 con chung là cháu Bùi Văn Thiện, sinh ngày 19/8/2016 và cháu Bùi Thị Trà My, sinh ngày 09/10/2018 hiện nay hai cháu đang ở với bà. Chị L và anh M ly hôn thì bà đồng ý với quan điểm của anh M để cháu Thiện và cháu My cho bà nuôi dưỡng đến khi anh M chấp hành án xong, bà không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác chị L, anh M

không có gì. Do bận nhiều công việc nên bà Vinh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn M.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Văn Thiện, sinh ngày 19/8/2016 và cháu Bùi Thị Trà My, sinh ngày 09/10/2018 chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Bùi Văn M phải cấp dưỡng nuôi con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Liễu phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc ly hôn của chị và anh M theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh M và bà V quá trình giải quyết vụ án anh M, bà V đã có lời khai trình bày rõ quan điểm của mình và có đơn xin xử vắng mặt vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Bùi Văn M trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, trong quá trình chung sống do quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, không tìm được tiếng nói nên đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 4/2020. Mặt khác trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì tháng 5/2020 anh M đã vi phạm pháp luật nên bị Công an huyện Bình Xuyên bắt từ ngày 18/6/2020. Tại bản án số 23/2021/HS- ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên thì anh M đã bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện

đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc từ đó chị L đâm chán nản. Nay anh M cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L và vì con chung nên anh xin được đoàn tụ là không thực tâm, nhằm gây khó khăn cho chị L trong việc ly hôn, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng không còn đời sống chung không thể duy trì, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh M là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị L anh M có 02 con chung là cháu Thiện và cháu My hiện nay 02 cháu đang ở với bà V (mẹ anh M), ly hôn chị L và anh M đều có nguyện vọng xin nuôi con là chính đáng. Xét về điều kiện nuôi con của hai bên thấy anh M đã bị Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện nay đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Thiện, cháu My. Nguyện vọng của bà V và anh M đề nghị Tòa án tạm giao cháu Thiện, cháu My cho bà V chăm sóc nuôi dưỡng chờ đến khi anh chấp hành án xong là không chấp nhận được. Bởi lẽ quan hệ tình cảm giữa cha mẹ đối với các con là thứ tình cảm đặc biệt mà không ai có thể thay thế được, bà V thì đã già (63 tuổi) hơn nữa cháu Thiện và cháu My hiện nay còn rất nhỏ (cháu Thiện mới hơn 4 tuổi cháu My hơn 2 tuổi). Hai cháu đã thiếu thốn tình cảm của người cha (cha phải vào tù) nên rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, chị L hiện nay đã có chỗ ở (ở cùng với bố mẹ đẻ) có công ăn việc làm và thu nhập ổn định nên có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con. Vì vậy căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Thiện và cháu My cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, công nợ công sức và đất canh tác: Chị L anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn M.

Về con chung: Buộc anh Bùi Văn M, bà Phùng Thị V phải giao cháu Bùi Văn Thiện, sinh ngày 19/8/2016 và cháu Bùi Thị Trà My, sinh ngày 09/10/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục (hiện nay cháu Thiện, cháu My đang ở với bà V). Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Bùi Văn M phải cấp dưỡng nuôi con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Nguyễn Thị L anh Bùi Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005372 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn M, bà Phùng Thị V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Tây Cốc huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

Đỗ Thị Minh Bình